

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN M
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-3-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Nguyễn Văn Trãi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân là thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu vực C S, phường T L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị Kim Th**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu vực L Đ, phường L H, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt (*Đơn xin giải quyết vắng*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:

Nguyên anh và chị Phan Thị Kim Th xây dựng hôn nhân vào năm 2020 cuộc hôn nhân do hai bên tự nguyện thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên đứng ra tác hợp có đăng ký kết hôn tại UBND phường T L, quận M theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng kể từ đầu tháng 7 năm 2021 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ anh là người phụ nữ đã có gia đình nhưng vẫn điện thoại nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, anh cố gắng nín nhịn để hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Xét thấy cuộc hôn nhân không đạt được, kéo dài không có hạnh phúc nên anh làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Phan Thị Kim Th.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị Phan Thị Kim Th, nhưng bị đơn chị Th vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 23/02/2022) nên vụ án không tiến hành việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa,

- Anh T yêu cầu được ly hôn; về tài sản chung, nợ chung xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Chị Th vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Lê Văn T và chị Phan Thị Kim Th tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2020 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”. Do bị đơn có nơi cư trú tại khu vực L Đ, phường L H, quận M, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Kim Th đã được triệu tập họp lệ nhưng chị có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2020, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu tháng 7 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất hòa về tình cảm, anh cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả nên đã sống ly thân từ đó đến nay, nên anh yêu cầu ly hôn.

Về phía chị Th, quá trình giải quyết Tòa án đã thực hiện việc triệu tập theo đúng trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự, nhằm để động viên hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt

trong phiên hòa giải, xét xử và đồng ý ly hôn với anh T. Điều đó cho thấy chị không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng các đương sự đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, việc ly hôn theo yêu cầu của anh T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh.

[4] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh Lê Văn T được ly hôn với chị Phan Thị Kim Th.

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* anh Lê Văn T phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0003112 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận anh T đã nộp xong).

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q. M;
- Chi cục THADS- Q. M;
- UBND - P.T L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Hùng